

Số: 329/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G - THÀNH PHỐ H

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 741/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Hồng P, sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: Số A, Ấp A, xã H (địa chỉ cũ: xã H, huyện N), Thành phố H; Địa chỉ tạm trú: Số B Đường số I, phường A (địa chỉ cũ: Phường A, quận G), Thành phố H.

- Bà Phạm Hồng L, sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: Số B Đường số I, phường A (địa chỉ cũ: Phường A, quận G), Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm Hồng P và bà Phạm Hồng L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, Quyển số 01/2010, ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (Nay là Ủy ban nhân dân xã H), Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 02/6/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31/7/2025, ông Phạm Hồng P và bà Phạm Hồng L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Giao trẻ Phạm Minh K, sinh ngày 26/10/2014 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bắt đầu từ tháng 8/2025 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Phạm Hồng P và bà Phạm Hồng L đã thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Phạm Hồng P và bà Phạm Hồng L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 140, Quyền số 01/2010, ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (Nay là Ủy ban nhân dân xã H), Thành phố H.

- Về con chung: Giao trẻ Phạm Minh K, sinh ngày 26/10/2014 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bắt đầu từ tháng 8/2025 cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Phạm Hồng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Hồng P và bà Phạm Hồng L mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000198 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (Nay là Phòng T), Thành phố H; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực G - TPHCM;
- UBND xã H, huyện N(Nay là UBND xã H), Thành phố H;
- Phòng THADS Khu vực G - TPHCM;
- Thi hành án dân sự Thành phố H;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Mộng Tuyền